

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS- ST
Ngày: 28 - 02 - 2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng,”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiên Ngọc Trương
Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Sang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Tăng Phan Nhật Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và trụ sở B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 410/2024/TLST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐST - DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Đ (B)**

Địa chỉ: số A T, phường L, Quận H, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 3828/QĐ – BIBV ngày 01/7/2024 của Ngân hàng TMCP Đ: Ông Đoàn Trọng T – Giám đốc B.

Địa chỉ: Số B L, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

- *Đại diện theo ủy quyền của Giám đốc B:* Bà Lê Thị Hồng C – Cán bộ quản lý khách hàng phòng quản lý khách hàng cá nhân B.

- *Bị đơn:* **Ông Bùi Văn S**, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm E, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 03/01/2019, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh T1 có ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2019/3419456/HĐTD, cho ông Bùi Văn S vay số tiền 100.000.000

đồng, mục đích tiêu dùng gia đình, hình thức trả nợ từ lương hàng tháng. Thời hạn vay là 60 tháng, từ 03/01/2019 đến 03/01/2024.

- Lãi suất cho vay là 10,5%/năm tại thời điểm vay và được điều chỉnh 06 tháng 01 lần theo thông báo lãi suất của B. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ định kỳ từ ngày 03 đến ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thu nợ từ ngày 10/12/2021, số tiền nợ gốc là 1.670.000 đồng; kỳ cuối là 1.470.000 đồng và nợ lãi theo dư nợ thực tế.

Từ 03/01/2019 đến 03/01/2024, ông Bùi Văn S đã trả được 21 kỳ nợ gốc là 49.930.000 đồng và nợ lãi là 20.787.699 đồng, sau đó không tiếp tục thanh toán cho ngân hàng B, vi phạm hợp đồng đã ký kết.

Nay Ngân hàng TMCP Đ (B) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn S thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ (B) tổng số tiền còn nợ hiện nay gồm:

+ Nợ gốc là 50.070.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn đến ngày 28/02/2025 là 21.059.176 đồng

+ Nợ lãi quá hạn đến ngày 28/02/2025 là 9.209.003 đồng

Và tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Văn S đã vắng mặt không có lời khai.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Đ (B) yêu cầu bị đơn ông Bùi Văn S thanh toán số tiền nợ gốc 50.070.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 01/2019/3419456/HĐTD, ngày 03 tháng 01 năm 2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ (B) với ông Bùi Văn S, nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp về hợp đồng vay tín dụng” theo Điều 91 Luật tổ chức tín dụng, Điều 346 Bộ luật dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Căn cứ nội dung hợp đồng tín dụng số 01/2019/3419456/HĐTD, ngày 03 tháng 01 năm 2019 được ký kết

giữa Ngân hàng TMCP Đ (B) với ông Bùi Văn S thể hiện ông Bùi Văn S có vay của Ngân hàng TMCP Đ (B) số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận trả nợ hàng tháng gốc và lãi trong thời gian 60 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Bùi Văn S chỉ trả được 28 tháng với số tiền 49.930.000 đồng và nợ lãi là 20.787.699 đồng, từ 12/7/2021 đến nay ông Bùi Văn S không thanh toán nợ cho Ngân hàng, hiện còn nợ Ngân hàng 50.070.000 đồng tiền gốc và tổng nợ lãi đến 28/02/2025 là 30.268.179 đồng, tổng số tiền nợ là 80.338.176 đồng.

Như vậy ông Bùi Văn S đã vi phạm hợp đồng tín dụng số 01/2019/3419456/HĐTD, ngày 03 tháng 01 năm 2019 đã ký kết, do đó Ngân hàng TMCP Đ (B) khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn S thanh toán tổng số tiền 80.338.176 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01/3/2025 đến khi thanh toán xong nợ là phù hợp các quy định tại Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị đơn có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 71; Điều 86; Điều 91; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 346, Điều 349, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (B)

Buộc ông Bùi Văn S phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ (B) số tiền 80.338.176 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 50.070.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28/02/2025 là 30.268.179 đồng (lãi trong hạn là 21.059.176 đồng và lãi quá hạn 9.209.003 đồng).

Kể từ ngày 01/3/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 01/2019/3419456/HĐTD, ngày 03 tháng 01 năm 2019 được ký kết được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ (B) với ông Bùi Văn S.

Buộc ông Bùi Văn S phải chịu 4.016.908 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ (B) số tiền 1.925.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001110 ngày 06/12/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP.Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang